TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/HS-ST
Ngày: 04/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Đức Thọ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Quang T;
2. Ông: Ma Văn Hán.

Thư K ghi biên bản phiên tòa: Bà Nông Thị Nhung -Thư K Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đạt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 12 năm 2024, tại phòng xử án Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2024/TLST-HS ngày 20/11/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Cao Bằng đối với bị cáo:

Phạm Văn T, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 15/5/1979 tại: huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: thôn P, thị trấn Y, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 05/12; con ông: Phạm Minh D, sinh năm 1954; Nguyễn Thị Th, sinh năm 1955; vợ: Hoàng Thị L, sinh năm 1950; Con: 03 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2024 đến 12/11/2024 tại nhà tạm giữ công an huyện L, tỉnh Cao Bằng, từ ngày 13/11/2024 đến ngày 30/11/2024 áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh, từ ngày 01/12/2024 đến nay. Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại thị trấn Y, huyện M, tỉnh Hà Giang *(Có mặt).*

- Bị hại: Hà Văn K, sinh ngày 18/6/1971; nơi cư trú: xóm R, xã TH, huyện L, tỉnh Cao Bằng *(Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 27/9/2024 ông Hà Văn K phát hiện bị mất số tiền ông để ở trong túi áo khoác ở phòng ngủ, sau khi xem Camera phát hiện vào khoảng 14 giờ 28 phút ngày 26/9/2024, có Phạm Văn T đột nhập vào nhà ở và có đi từ phòng khách vào buồng ngủ. Ông K đã làm đơn trình báo Công an xã TH, huyện L, tỉnh Cao Bằng, khi trình báo sự việc, ông K khai báo tổng số tiền ban đầu trong túi là 36.000.000 đồng, số tiền trên có nguồn gốc do bán 03 (Ba) con Trâu có được, ông đã sử dụng một phần số tiền trên để chi tiêu trong gia đình, có đưa tiền cho con trai đi khám bệnh; do đó, ông K không xác định được cụ thể số tiền bị mất trộm là bao nhiêu.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L Phạm Văn T khai nhận như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 26/9/2024, Phạm Văn T đi từ nhà ở thôn P, Thị trấn Y, huyện M, tỉnh Hà Giang đi sang nhà em trai ruột là Phạm Văn G ở cùng xóm, nhưng G không ở nhà, lúc này T hỏi Phùng Thị Thùy A (vợ G) để mượn 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu xanh biển kiểm soát 23K1-055.00. Sau khi mượn được xe T một mình điều khiển xe máy xuất phát từ nhà A đến nhà ông Hà Văn K, T đi vào nhà chỉ thấy bà Nông Thị B (vợ K) đang ngủ tại ghế trong phòng khách, lúc này T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của ông K, rôi đi vào phòng ngủ của vợ chồng ông K. Khi vào phòng ngủ T dùng tay lục túi quần và túi áo khoác của K treo trên sào, do điều kiện ánh sáng trong phòng ngủ của K lúc đó tối T không nhìn rõ màu sắc, đặc điểm của chiếc áo, khi sờ vào túi áo ngực bên trái của chiếc áo khoác, T thấy một cọc tiền không rõ cụ thể số tiền là bao nhiêu, T dùng tay phải cho vào túi áo ngực bên trái của áo khoác rồi rút cọc tiền ra, nhanh chóng đưa vào túi quần bên phải đang mặc. Sau khi trộm được tiền T điều khiển xe máy để đi về nhà. Về đến nhà T lấy cọc tiền vừa trộm ra đếm thấy cọc tiền có các tờ tiền có mệnh giá 100.000 đồng, 200.000 đồng và mệnh giá 500.000 đồng, tổng số tiền T trộm cắp được của K là 31.000.000 đồng, sau khi đếm tiền xong T cất giấu số tiền vừa trộm được trong gối, để ở đầu giường trong phòng ngủ của mình. Sau đó, khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày T đem xe máy đến trả G rồi quay về nhà. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 27/9/2024, khi T đang ở nhà bà Hoàng Thị L (vợ T) gọi điện cho T nói "Anh có cầm tiền của người ta thì cầm tiền lên trả cho người ta", sau khi nghe L nói, T đi đến nhà G mượn xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu đỏ biển kiểm soát 23K1-100.10 của A (vợ G), rồi điều khiển xe máy đến nhà K, mục đích xem ông K đã biết việc T trộm tiền hay chưa. Khi đến nhà, ông K bảo với T "trả lại tiền cho anh đi" thì T nói "anh cho em xem Camera", khi K đưa đoạn trích xuất Camera ra có hình ảnh T đang từ phòng khách đi vào buồng ngủ, rồi bước đi ra

ngoài, lúc này T mới thừa nhận được trộm tiền của K. Sau đó, có sử dụng điện thoại của K gọi điện cho Phùng Thị Thuỳ A, nhờ A sang nhà T vào phòng ngủ lấy tiền đem đến để trả lại cho K. Khoảng 12 giờ 30 phút A đem toàn bộ số tiền đến để đưa cho T, chưa kịp trả lại tiền cho K lập tức bị Công an xã TH, huyện L, tỉnh Cao Bằng đưa T và K về trụ sở Công an xã tiến hành lập biên bản sự việc, tạm giữ số tiền 31.000.000 đồng, (bằng chữ: Ba mươi mốt triệu đồng) để tiếp tục điều tra.

Ngày 02/10/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 286/QĐ-ĐTTH hoàn trả lại cho ông Hà Văn K số tiền 31.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Phạm Văn T thành khẩn khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt bị hại ông Hà Văn K đã xác nhận, ông được Cơ quan Công an huyện L, tỉnh Cao Bằng giao trả lại số tiền 31.000.000 đồng. Tại phiên toà về trách nhiệm dân sự, bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

+ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"*.

+ Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, Điều 173; Điều 38; điểm i, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

+ Về trách nhiệm dân sự: Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Do đó, không đề nghị xem xét thêm.

+ Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã tiến hành hoàn trả lại vật chứng đã thu giữ cho bị hại, do đó không yêu cầu xem xét thêm.

+ Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo T nhất trí với bản Luận tội của Kiểm sát viên tại phiên toà, không có ý kiến tranh luận gì thêm. Trong lời nói sau cùng bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, bị cáo sẽ cố gắng cải tạo thành một người tốt cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 14 giờ 28 phút ngày 26/9/2024, Phạm Văn T đã đột nhập vào nhà ông Hà Văn K trú tại: xóm R, xã TH, huyện L, tỉnh Cao Bằng trộm cắp được tổng số tiền 31.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp, tài liệu chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ, đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có tính chất ít nghiêm trọng với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1, điều 173 của Bộ luật Hình sự.

"*Điều 173. Tội trộm cắp tài sản;*

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...."

Cáo trạng số: 53/CT-VBSBL ngày 19/11/2024, của Viện kiểm sát nhân dân huyện L tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[3]. Về nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phạm Văn T từ nhỏ được gia đình nuôi dưỡng, cho đi học nhưng chỉ học đến 05/12 thì bỏ học, sau đó chỉ ở nhà lao động phụ giúp gia đình, lớn lên xây dựng gia đình, sinh sống tại thôn P, Thị trấn Y, huyện M, tỉnh Hà Giang. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có đầy đủ năng G trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, do muốn có tiền để bản thân sử dụng nên bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, nhằm giáo dục cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội, vừa đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung của pháp luật. .

- *Tình tiết giảm nhẹ:* Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có bố được nhà nước trao tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. *(điểm i, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự)*.

- *Tình tiết tăng nặng*: Không có.

Trong vụ án này, bị cáo Phạm Văn T mượn xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu xanh, biển kiểm soát 23K1- 055.00 của Phùng Thị Thuỳ A để làm phương tiện đến nhà bị hại K thực hiện hành vi trộm cắp, qua điều tra xác định xe máy trên thuộc quyền sở hữu của Phạm Văn G (chồng A). Ngày 27/9/2024 bị cáo mượn xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu đỏ đen, biển kiểm soát 23K1-100.10 của A để đến nhà ông K. Việc T trộm cắp tài sản Phùng Thị Thuỳ A không được biết. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L không thu giữ đối với 02 (hai) chiếc xe máy trên và không khởi tố về hành vi đồng phạm trộm cắp tài sản đối với Phùng Thị Thuỳ A là có căn cứ.

Đối với Hoàng Thị L không biết Phạm Văn T trộm cắp tài sản của Hà Văn K, khi L biết việc K đã trộm cắp tiền của K, L đã gọi điện cho bị cáo T để T đem toàn bộ số tiền để trả cho K; do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Hoàng Thị L là có căn cứ.

[4]. Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định; Hội đồng xét xử xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì khác đối với bị cáo. Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

[6]. Hướng xử lý vật chứng:

Cơ quan Công an đã tiến hành trả lại vật chứng đã thu giữ cho người bị hại, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9]. Các nhận định khác.

- Đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, mức hình phạt, hướng xử lý vật chứng, án phí là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- Lời nói sau cùng của bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố, bị cáo Phạm Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 1, Điều 173; Điều 38; điểm i, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt, bị cáo Phạm Văn T 10 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2024 đến 12/11/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận, bị hại Hà Văn K không có yêu gì khác đối với bị cáo.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị cáo T phải chịu số tiền 200.000 đồng, *(bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng chẵn*) án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo (có mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an huyện;
- Bị cáo (T);
- Bị hại;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Chi cục THADS huyện;
-UBND thị trấn Y;
- Lưu hồ sơ vụ án; hồ sơ THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa

Nông Đức Thọ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an huyện;
- Bị cáo (T);
- Bị hại;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Chi cục THADS huyện;
-UBND thị trấn Y;
- Lưu hồ sơ vụ án; hồ sơ THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa

Nông Đức Thọ